# NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

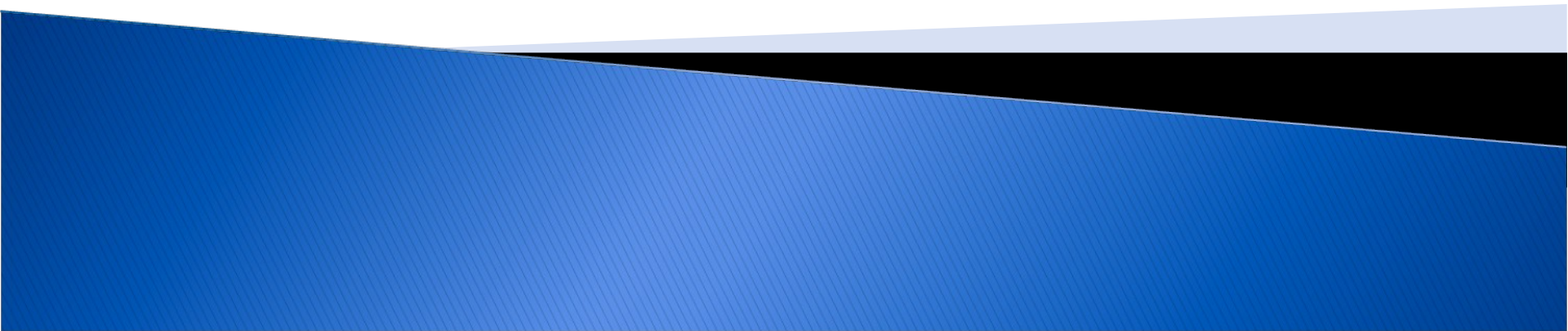

- Mục đích môn học

  Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán….

- Yêu cầu đối với SV

  - Cần nghiên cứu các bài học trước và sau khi học.

  - Sinh viên phải lên lớp đầy đủ theo quy định.

  - Trong giờ tự học, sinh viên nghiên cứu lại bài giảng và đọc các sách và tài liệu tham khảo.

# CHƯƠNG 1: BẢN CHẤT VÀ ĐT KT

1. Lịch sử ra đời và phát triển
2. Định nghĩa và phân loại Kế toán
3. Các phương pháp kế toán
4. Khái niệm và nguyên tắc kế toán
5. Vai trò và yêu cầu của thông tin KT
6. Phương pháp tổng hợp- cân đối
7. Sổ kế toán và bộ máy kế toán

# NỘI DUNG MÔN HỌC

- Chương 1: Bản chất và đối tượng kế toán.
- Chương 2: Phương pháp chứng từ kế toán.
- Chương 3: Phương pháp tài khoản và ghi kép.
- CHương 4: Hệ thống tài khoản kế toán.
- Chương 5: Phương pháp tính giá và kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu.
- Chương 6: Phương pháp tổng hợp- cân đối kế toán.
- Chương 7: Sổ kế toán và bộ máy kế toán.

# 1.1 Lịch sử ra đời và phát triển KT

- Thời kỳ nguyên thủy: đánh dấu trên thân cây, ghi trên vách đá, buộc nút trên các dây thừng…để ghi nhận những thông tin cần thiết
- Ở chế độ nô lệ: Các loại sổ sách đã được sử dụng để ghi chép.
- Các sổ sách này đã được cải tiến và chi tiết hơn trong thời kỳ phong kiến để đáp ứng những phát triển mạnh mẽ trong các quan hệ kinh tế cộng đồng.

# 1.2 Định nghĩa và phân loại KT

## *1.2.1 Định nghĩa*

- *"Kế toán là một hệ thống thông tin và kiểm tra về tài sản trong các tổ chức bằng hệ thống các phương pháp khoa học. Kế toán nghiên cứu tài sản trong quan hệ với nguồn hình thành và quá trình vận động của tài sản trong các tổ chức, các đơn vị".*
- *"Kế toán là việc thu nhập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động".*

# 1.2 Định nghĩa và Phân loại KT

- ***1.2.2 Phân loại:***

- *Theo cách thức ghi chép*: kế toán đơn và kế toán kép.
- *Theo phần hành*: Kế toán chia thành các loại:

- Kế toán vốn bằng tiền.
- Kế toán tài sản cố định.
- Kế toán các khoản thanh toán.
- Kế toán hàng tồn kho.
- Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.
- Kế toán doanh thu bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

# 1.2.Định nghĩa và Phân loại KT

- *1.2.2 Phân loại:*

- *Theo chức năng cung cấp thông tin*

- Kế toán tài chính.
- Kế toán quản trị.

* Phân biệt kế toán tài chính và kế toán quản trị như sau:

| Tiêu thức phân biệt | Kế toán tài chính | Kế toán quản trị |
|---|---|---|
| 1.Đặc điểm thông tin | - Phải khách quan, có thể thẩm tra. | - Thông tin thích hợp và linh hoạt, phù hợp |
| 2.Thước đo sử dụng | - Chủ yếu là thước đo giá trị. | - giá trị, hiện vật và thời gian. |
| 3.Các nguyên tắc sử dụng trong việc lập báo cáo | - Phải tuân thủ các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận, | - DN tự xây dựng, tự triển khai, có tính linh hoạt |
| 4. Người sử dụng thông tin | - Các thành phần bên ngoài doanh nghiệp: Ngân Hàng, Thuế, chủ đầu tư…. | - Các thành phần bên trong công ty: Giám đốc, quản lý hội đồng quản trị, các giám sát viên.. |
| 5. Các báo cáo kế toán chủ yếu | - Bảng cân đối kế toán.<br>- Báo cáo kết quả kinh doanh.<br>- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.<br>- Thuyết minh báo cáo tài chính. | - Các báo cáo cung cấp, dự trữ vật tư, hàng hóa…<br>- Các báo cáo quá trình sản xuất<br>- Các báo cáo về bán hàng |
| 6. Kỳ báo cáo | - Quý, năm. | - Ngày, tuần, tháng, quý, năm. |
| 7. Phạm vi thông tin | - Toàn doanh nghiệp. | - Gắn với các bộ phận trực thuộc doanh nghiệp. |
| 8. Trọng tâm thông tin | - Chính xác, khách quan.. | - Kịp thời, thích hợp, linh động, |

# 1.3 Các phương pháp kế toán

- Phương pháp chứng từ kế toán: phản ánh các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh và thực sự hoàn thành vào chứng từ kế toán.
- Phương pháp tài khoản và ghi kép:phân loại các đối tượng kế toán để kiểm tra quá trình vận động của tài sản theo từng loại dựa vào các mối quan hệ vốn có của đối tượng kế toán

# 1.3 Các phương pháp kế toán

- Phương pháp tính giá: sử dụng thước đo tiền tệ để tính toán, xác định giá trị của từng loại và tổng tài sản của đơn vị thông qua mua vào, sản xuất theo những nguyên tắc nhất định.
- Phương pháp tổng hợp cân đối: Là phương pháp thông tin và kiểm tra một cách khái quát tình hình tài sản, kết quả kinh doanh của đơn vị hạch toán trong từng thời kỳ nhất định

# 1.4. Các khái niệm và nguyên tắc kế toán

- Khái niệm thực thể kinh doanh: là khái niệm về đơn vị kinh doanh.
- Giả thiết cơ sở dồn tích: mọi nghiệp vụ kinh tế tài chính đều phải được ghi sổ tại thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế thu tiền hoặc chi tiền.
- Giả thuyết hoạt động liên tục: việc ghi chép là theo giá phí, không theo giá thị trường.
- Giả thuyết kỳ kế toán: phân chia hoạt động của DN thành nhiều phân đoạn bằng nhau.

# 1.4 Các khái niệm và nguyên tắc Kế toán

- Nguyên tắc thước đo tiền tệ: thừa nhận đơn vị tiền tệ như một đơn vị thống nhất trong việc tính toán, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh
- Nguyên tắc giá phí: việc xác định giá trị tài sản, công nợ phải dựa trên giá trị thực tế tại thời điểm phát sinh, không quan tâm đến giá thị trường

# 1.4 Các khái niệm và nguyên tắc kế toán

- **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**:đòi hỏi sự ghi nhận doanh thu phải bảo đảm thống nhất, làm cơ sở cho việc xác định lợi nhuận được đúng đắn.
- **Nguyên tắc phù hợp**: quy định việc xác nhận chi phí để tính lãi, lỗ trong kỳ có sự phù hợp với doanh thu đã ghi nhận.
- **Nguyên tắc nhất quán**: tất cả các khái niệm, các nguyên tắc, các chuẩn mực và các tính toán trong quy trình kế toán phải được thực hiện trên cơ sở nhất quán từ kỳ này sang kỳ khác.

# 1.4 Các khái niệm và nguyên tắc KT

- Nguyên tắc thận trọng:

✓ Phải lập các khoản dự phòng nhưng không lập quá lớn

✓ Không đánh giá cao hơn giá trị của các tài sản và các khoản thu nhập.

✓ Không đánh giá thấp hơn giá trị của các khoản nợ phải trả và chi phí

✓ Doanh thu và thu nhập chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế, còn chi phí phải được ghi nhận khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí.

# 1.4 Các khái niệm và nguyên tắc kế toán

- Nguyên tắc trọng yếu: chỉ chú trọng đến những vấn đề mang tính quyết định đến bản chất và nội dung của các báo cáo tài chính, không quan tâm đến các yếu tố ít ảnh hưởng (ảnh hưởng không đáng kể) đến báo cáo tài chính.

# 1.5.1 Vai trò của thông tin KT

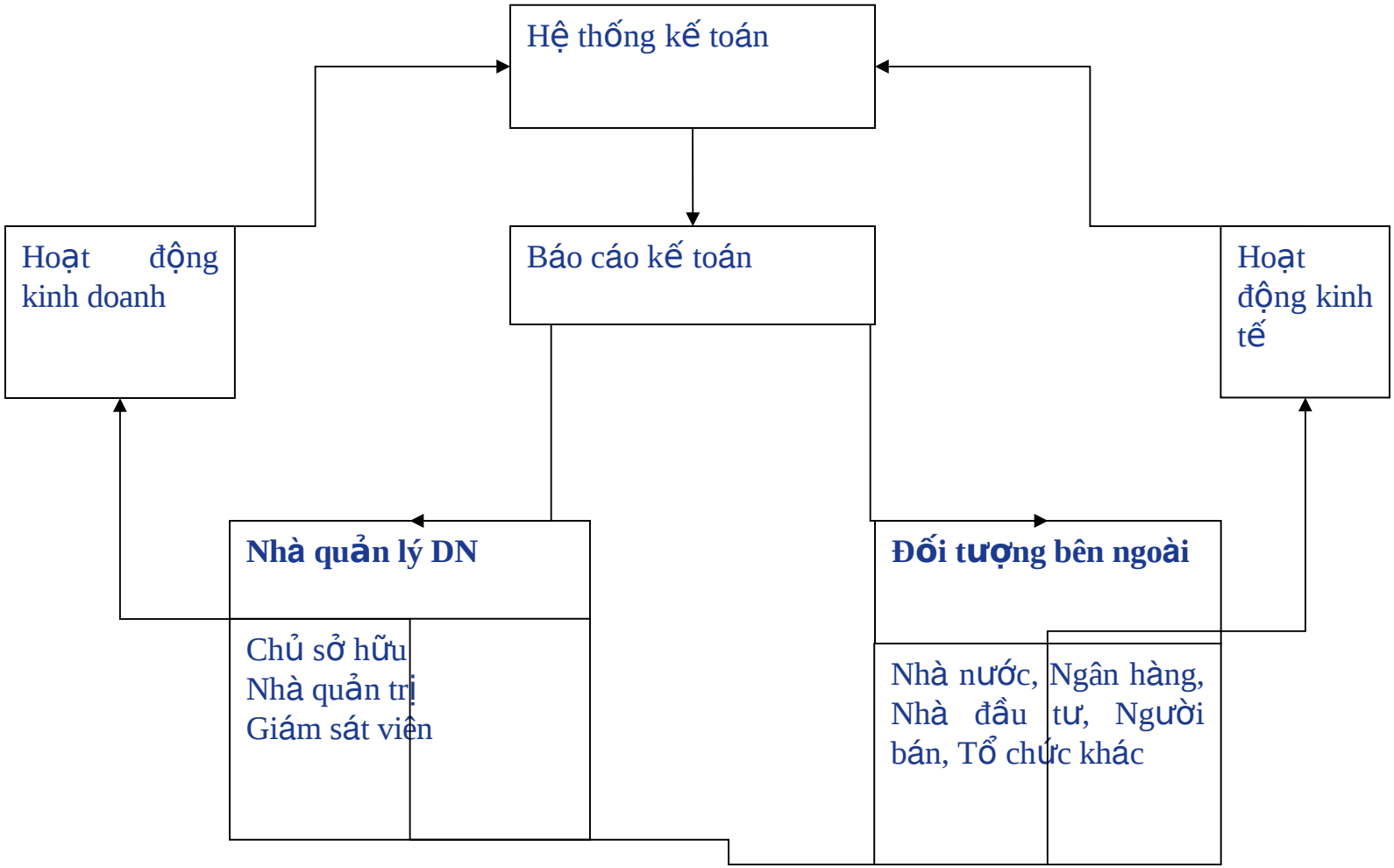

# 1.5.1 Vai trò của thông tin KT

- Đối với Nhà quản lý doanh nghiệp

- ✓ Giúp thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát tình trạng tài sản của doanh nghiệp.
- ✓ Giúp kiểm tra, kiểm soát tình hình sử dụng các khoản vay nợ, huy động và sử dụng vốn chủ sở hữu
- ✓ Sử dụng các thông tin từ kế toán để hoạch định công tác kinh doanh.
- ✓ Là cơ sở để nhà quản lý ra quyết định kinh doanh.

# 1.5.1 Vai trò của thông tin KT

- Đối với các đối tượng ngoài doanh nghiệp
- ✓ Đối với Nhà nước: là cơ sở để đánh giá tổng hợp hoạt động của mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi khu vực kinh tế và toàn thể nền kinh tế.
- ✓ Đối tượng khác: Thông tin kế toán phục vụ các mục đích khác nhau cho các đối tượng này, như: Ngân hàng – tài trợ, Chủ sở hữu- khả năng sinh lợi vốn, nhà đầu tư – khả năng đầu tư….

# 1.5.1 Vai trò và yêu cầu của thông tin kế toán

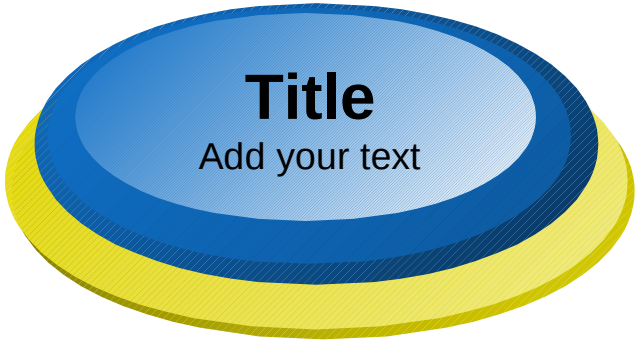


**Vai trò**
**- Đối với chủ doanh nghiệp**
**- Đối với các đối tượng bên ngoài DN.**

**Yêu cầu:**
**-Thống nhất**
**-Trung thực, khách quan**
**-- Kịp thời**
**-- Đầy đủ**
**-- Dễ hiểu**

# 1.5.2 Yêu cầu đối với thông tin KT

- Phải đảm bảo tính thống nhất về nội dung phương pháp tính toán.
- Phải phản ảnh ***trung thực*** và ***khách quan*** thực tế hoạt động của đơn vị.
- Phải phản ánh ***kịp thời*** các hoạt động kinh tế tài chính xảy ra.
- Phải phản ảnh ***đầy đủ***, toàn diện về mọi hoạt động kinh tế, tài chính của đơn vị.
- Phải rõ ràng, ***dễ hiểu***, bảo đảm cho các đối tượng sử dụng đều có thể hiểu được

# 1.6 Đối tượng của Kế toán

1. Tài sản và nguồn hình thành Tài sản
2. Sự vận động của tài sản trong đơn vị
3. Các quan hệ kinh tế khác

# 1.6.1 Tài sản và nguồn hình thành

- Tài sản của đơn vị

✓ *Tài sản là nguồn lực do đơn vị kiểm soát và có thể mang lại lợi ích kinh tế tương lai.*

✓ Giải thích:

- Lợi ích kinh tế tương lai: là tiềm năng làm tăng nguồn tiền và các khoản tương đương tiền của đơn vị hoặc làm giảm bớt các khoản tiền mà đơn vị phải chi ra.
- Kiểm soát: là khả năng sử dụng lợi ích kinh tế do nguồn lực đó mang lại nhằm đạt mục tiêu của đơn vị.

# 1.6.1 Tài sản và nguồn hình thành

- Tiêu chuẩn ghi nhận TS:

  Một đối tượng sau khi đã thoả mãn định nghĩa tài sản chỉ được ghi nhận tài sản của đơn vị khi thoả mãn cả hai điều kiện được quy định ở chuẩn mực chung như sau:

- Đơn vị có khả năng chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai.
- Giá trị của tài sản đó được xác định một cách tin cậy.

# 1.6.1 Tài sản và nguồn hình thành

- Phân loại TS trong đơn vị

- *Tài sản ngắn hạn*: là tài sản có thời gian luân chuyển hoặc thu hồi trong một chu kì kinh doanh bình thường hoặc trong vòng 12 tháng.
- Bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền; các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn; các khoản phải thu; Hàng tồn kho; chi phí trả trước ngắn hạn.

# 1.6.1 Tài sản và nguồn hình thành

- Tài sản dài hạn: là tài sản có thời gian luân chuyển hoặc thu hồi vốn dài hơn một chu kỳ kinh doanh bình thường hoặc trên một năm.
- Bao gồm: TSCĐ, bất động sản, các khoản đầu tư tài chính dài hạn, tài sản dài hạn khác.

# 1.6.1 Tài sản và nguồn hình thành.

- Nguồn hình thành TS
- ✓ Nợ phải trả: *là nghĩa vụ hiện tại của đơn vị phát sinh từ các giao dịch và sự kiện đã qua mà đơn vị phải thanh toán từ nguồn lực của mình*
- ✓ Nguồn vốn chủ sở hữu: *là giá trị vốn của đơn vị, được tính bằng số chênh lệch giữa giá trị Tài sản của doanh nghiệp trừ đi Nợ phải trả.*

# 1.6.1 Tài sản và nguồn hình thành

- Nợ phải trả:
  - Tiêu chuẩn ghi nhận nợ phải trả:
    - C*hắc chắn* là đơn vị sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho nghĩa vụ đó.
    - Khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng *tin cậy.*
  - Nợ ngắn hạn:thời hạn thanh toán < 1 năm.
  - Nợ dài hạn: thời hạn thanh toán > 1 năm.

# 1.6.1Tài sản và nguồn hình thành

- Nguồn vốn chủ sở hữu

- ✓ Vốn góp chủ sở hữu: vốn đầu tư của nhà nước đối với công ty nhà nước; vốn góp của các cổ đông đối với các công ty cổ phần……
- ✓ Lợi nhuận giữ lại: Số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho nhà nước và chia cho các chủ sở hữu được giữ lại để tích lũy bổ sung vốn chủ sở hữu.

# 1.6.1 TS và nguồn hình thành

- Mối quan hệ giữa TS và Nguồn vốn:

Tổng giá trị Ts = Nợ phải trả + Nguồn vốn CSH

# 1.6.2 Sự vận động của TS

- Hoạt động của doanh nghiệp sản xuất được chia thành 3 giai đoạn: cung cấp, sản xuất và tiêu thụ có thể tóm tắt như sau:
  **T-H…SX…H'-T'**

# 1.6.2. Sự vận động của TS

- Giai đoạn cung cấp: tiền chuyển thành các loại tài sản chuẩn bị sản xuất.
- Giai đoạn sản xuất: từ các tài sản dự trữ cho quá trình sản xuất chuyển thành thành phẩm.
- Giai đoạn tiêu thụ: Thành phẩm chuyển hóa thành tiền.

# 1.6.3 Các quan hệ kinh tế khác

- Trong quá trình hoạt động, các đơn vị không chỉ sử dụng những tài sản thuộc quyền kiểm soát của mình mà còn sử dụng những tài sản không thuộc quyền kiểm soát của đơn vị.
- Các doanh nghiệp còn phải có trách nhiệm với xã hội trong việc bảo vệ môi trường thiên nhiên, tài nguyên và cơ sở vật chất kỹ thuật của xã hội, cũng như trách nhiệm trong việc sử dụng lao động,…